TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 180/2023/HNGĐ - ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2023
V/v: "Xin ly hôn, tranh chấp nợ chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đình Bản, bà Lò Thị Minh.

- T ký phiên tòa: Bà Phan Thị Lệ Giang – T ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2023/TLST-HNGĐ, ngày 19/6/2023, về việc: "Ly hôn, tranh chấp chia nợ chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 31/8/2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số 38 ngày 18/9/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Vũ Hữu P, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thanh H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tiểu khu X, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952, địa chỉ: Thôn Minh Khai, xã Đại Lập, huyện Khoái Châu, tỉnh H Yên, có mặt.

2. Anh Nguyễn Thái H, sinh năm 1989, địa chỉ: Số 435/1B, Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3. Quỹ tiết kiệm cộng đồng tiểu khu 9 (nay là tiểu khu 8), địa chỉ: Tiểu khu 8, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Người làm chứng:*

Ông Vũ Thịnh Đ, sinh năm 1946, địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2023, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Vũ Hữu P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thanh H kết hôn với nhau vào ngày 17/3/2006. Khi kết hôn anh chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Bàng, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (Nay là huyện Vân Hồ)

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tích cách, quan điểm sống của hai vợ chồng không còn hòa hợp, anh và chị H đã sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Nay tình cảm không còn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Trần Thanh H.

Về con chung: Anh và chị H có hai người con chung: Cháu Vũ Trần Khánh L, sinh ngày 11/01/2007 và cháu Vũ Trần Khánh Đ, sinh ngày 17/01/2012. Anh nhất trí giao 02 cháu cho chị Trần Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thanh H đối với cháu Vũ Trần Khánh Đ mỗi tháng 2.500.000 đồng, đến khi cháu Đan đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Hai anh, chị tự thỏa thuận phân chia, không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Anh xác định hiện nay anh không còn nợ ai.

Đối với khoản tiền vay 80.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị T vào ngày 21/6/2016 anh có ký tên trên giấy vay nợ, khoản nợ này chị H đã thanh toán đầy đủ cho bà Nguyễn Thị T; khoản vay 130.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị T, khoản vay 36.600.000 đồng của anh Nguyễn Thái H, khoản nợ 20.500.000 đồng của tổ tiết kiệm vay vốn cộng đồng tiểu khu 8, thì anh không biết và không được ký tên nên anh không nhất trí trả cùng chị Trần Thanh H.

Trong quá trình tham gia tố tụng, tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà hôm nay bị đơn là chị Trần Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thanh H thống nhất như anh Vũ Hữu P đã trình bày. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tích cách, quan điểm sống của hai vợ chồng không còn hòa hợp, chị anh P đã sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Nay anh Vũ Hữu P có đơn ly hôn, chị thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị nhất trí ly hôn với anh Vũ Hữu P.

Về con chung: Chị và anh P có hai người con chung tên là Vũ Trần Khánh L, sinh ngày 11/01/2007 và Vũ Trần Khánh Đ, sinh ngày 17/01/2012. Nguyện vọng của chị sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu đến khi trưởng thành và yêu cầu anh P có trách nhiệm chu cấp tiền cấp

dưỡng nuôi con chung đối với cháu Vũ Trần Khánh Đ mỗi tháng là 2.500.000 đồng, đến khi cháu Đan đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Hai anh, chị tự thỏa thuận phân chia, không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị Trần Thanh H trình bày:

Ngày 01/6/2016 vay của anh Nguyễn Thái H số tiền 36.600.000 đồng, thời hạn thanh toán đến tháng 8/2023, khi vay chị có mình chị ký nH anh P có biết và lãi phát sinh đến ngày 28/8/2023 (1.0%/tháng) là 31.476.000 đồng. Tổng là 68.076.000 đồng.

Ngày 21/6/2016 vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 0,6%/tháng, khi vay cả chị và anh P đều ký nhận và lãi phát sinh đến tháng 28/8/2023 là 41.280.000 đồng. Tổng cộng là 121.280.000 đồng.

Ngày 12/01/2017 vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 130.000.000 đồng; khi vay chỉ có mình chị ký nH anh P có biết, số tiền anh P đã mang về sửa nhà bố mẹ anh P ở quê và lãi phát sinh đến ngày 28/8/2023 (1.0%/tháng) là 102.700.000 đồng. Tổng là 232.700.000 đồng.

Ngày 15/5/2022 vay quỹ tiểu khu 8 thị trấn Mộc Châu số tiền 54.000.000 đồng, chị là người đứng tên giấy vay nợ, hàng tháng chị trả tiền gốc đến nay còn nợ số tiền là 20.500.000 đồng.

Tổng các khoản nợ gốc và lãi là: 374.480.000 đồng, số tiền đều được vay trong thời gian chị và anh P còn chung sống với nhau, nên chị yêu cầu anh Vũ Hữu P phải chịu ½ số tiền gốc và tiền lãi, cụ thể là 374.480.000 đồng/ 2 = 187.240.000 đồng.

Trong quá trình tham gia tố tụng, tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 21/6/2016 anh Vũ Hữu P và chị Trần Thanh H có đến vay của bà số tiền 80.000.000 đồng với lãi xuất 0,6%/ tháng. Khi vay tiền có làm giấy vay nợ và anh chị cùng ký nhận, tiền lãi từ khi vay đến ngày xét xử là 41.840.000 đồng.

Ngày 12/01/2017 anh Vũ Hữu P và chị Trần Thanh H có đến vay tiếp của bà số tiền 130.000.000 đồng và hẹn đến tháng 01 năm 2024 sẽ thanh toán, khi làm giấy vay tiền thì chỉ có chị Trần Thanh H ký nhận nhưng nhận tiền cả hai anh chị cùng nhận, lãi suất là 01%/ tháng từ khi vay đến ngày xét xử là 103.345.000 đồng.

Hiện nay, anh Vũ Hữu P và chị Trần Thanh H ly hôn bà yêu cầu anh chị thanh toán cho bà số tiền nợ gốc và tiền lãi là 355.185.000 đồng.

Trong quá trình tham gia tố tụng, tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tổ vay vốn tiểu khu 8 do bà Nguyễn Thị Y làm đại diện trình bày:

Ngày 15/5/2022 hộ gia đình chị Trần Thanh H có vay của Tổ Tiết kiệm và vay vốn cộng đồng tiểu khu 8 thị trấn Mộc Châu số tiền 54.000.000 đồng (Giấy tờ

chỉ có chị Trần Thanh H ký). Từ khi vay vốn đến nay chị H đã trả tiền gốc và lãi hàng tháng đầy đủ cho Tổ Tiết kiệm. Đến nay còn nợ 20.500.000 đồng. Nay, anh Vũ Hữu P và chị Trần Thanh H ly hôn bà yêu cầu anh chị liên đới thanh toán số tiền nợ là 20.500.000 đồng.

Tại bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông Vũ Thịnh Đ trình bày: Ông là bố đẻ của anh Vũ Hữu P và là bố chồng của chị Trần Thanh H. Vào dịp tết nguyên đán năm 2015 anh P, chị H có về ăn tết với gia đình ông và có bàn với gia đình sửa lại căn nhà cho gia đình ông nên tôi đồng ý. Các cháu ăn tết xong lên Mộc Châu khoảng 10 ngày sau thì vợ chồng anh P, chị H có chuyển cho tôi 100.000.000 đồng để hỗ trợ sửa nhà và tôi tiến hành sửa chữa lại nhà. Ngoài khoản tiền trên thì anh P, chị H không chuyển cho tôi khoản tiền nào khác.

Ý kiến của đại diện VKSND huyện Mộc Châu như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 57; Điều 59; 60; 62; 81, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Hữu P được ly hôn với chị Trần Thanh H.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Trần Khánh Linh, sinh ngày 11/01/2007 và cháu Vũ Trần Khánh Đan, sinh ngày 17/01/2012 cho chị Trần Thanh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vũ Hữu P pH cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Trần Khánh Đan, sinh ngày 17/01/2012 cùng chị Trần Thanh H mỗi tháng là 2.500.000 đồng, đến khi cháu Đan đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung: Hai anh, chị không kê khai, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung, nợ riêng:

Anh Vũ Hữu P có nghĩa vụ thanh toán cho cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 60.920.000đ (Sáu mươi triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó 40.000.000đ tiền nợ gốc và lãi là 20.920.000đ; trả cho Tổ vay vốn và tiết kiệm tiểu khu 8, thị trấn Mộc Châu số tiền là 10.250.000đ (Mười triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Trần Thanh H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 294.225.000đ (Hai trăm chín mươi tư triệu, hai trăm hai mươi lăm đồng), trong đó 170.000.000đ tiền nợ gốc và tiền lãi 124.225.000đ; trả cho Tổ vay vốn và tiết kiệm tiểu khu 8, thị trấn Mộc Châu số tiền 10.250.000đ (Mười triệu, hai trăm, năm mươi nghìn đồng)

5. Về án phí:

Anh Vũ Hữu P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung và 3.556.000 đồng án phí vay nợ chung. Tổng cộng là: 4.156.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002993 ngày 19/6/2023 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, anh Vũ Hữu P còn phải nộp tiếp số tiền 3.856.000đ (Ba triệu, tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Chị Trần Thanh H phải chịu 3.556.000 đồng án phí vay nợ chung và 11.667.000 đồng (Đã làm tròn số) án phí vay nợ riêng. Tổng cộng là: 15.223.000đ (Mười lăm triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nợ chung khi ly hôn giữa nguyên đơn anh Vũ Hữu P với bị đơn là chị Trần Thanh H, cư trú tại: Tiểu khu 8, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, Sơn La.

Về tố tụng: Anh Nguyễn Thái H được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong quá trình giải quyết vụ án không có mặt, không thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của mình, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Vũ Hữu P và chị Trần Thanh H đi đến hôn nhân trên cở sở tình yêu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận, hạnh P cho đến năm 2018 thì giữa anh P và chị H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, điều này được anh P và chị H thừa nhận, không còn chung sống với nhau và không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Anh P, chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không hạnh P nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh P và chị H mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và việc thuận tình ly hôn giữa anh P và chị H là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Hữu P và chị Trần Thanh H theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung:* Anh Vũ Hữu P và chị Trần Thanh H đều trình bày có 02 con chung, là cháu Vũ Trần Khánh L, sinh ngày 11/01/2007 và Vũ Trần Khánh Đ, sinh ngày 17/01/2012, hiện nay các cháu đã trên 07 tuổi, đều có nguyện vọng được ở cùng với chị Trần Thanh H. Hai anh chị đều thỏa thuận: Giao cho chị Trần Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vũ Trần Khánh L, Vũ Trần Khánh Đ và anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Trần Khánh Đ mỗi tháng 2.500.000 đồng đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Từ căn cứ nêu trên cần chấp nhận sự ý kiến của các bên và nguyện vọng của các con, giao cháu Vũ Trần Khánh L, Vũ Trần Khánh Đ cho chị Trần Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Vũ Hữu P cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với cháu Vũ Trần Khánh Đ mỗi tháng 2.500.000 đồng, đến khi cháu Đan đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[4] *Về tài sản chung:* Hai anh, chị đều xác định có tài sản nH không kê khai, không yêu cầu giải quyết, do đó không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

[6] *Về nợ chung, nợ riêng*:

Về khoản vay nợ tại các giấy biên nhận do chị Trần Thanh H cung cấp, chị xác định là các khoản vay tiền của bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Thái H và quỹ tiết kiệm cộng đồng tiểu khu 8 là nợ chung, khi vay tiền đều có sự bàn bạc thống nhất với anh P, do anh P đi làm nhiều năm không đưa lương về cho chị, mọi chuyện trong gia đình mình chị quán xuyến, khi thiếu hụt đều phải vay nợ dùng tiền đó để trang trải các khoản chi phí, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và đưa về cho bố mẹ chồng là ông Vũ Thịnh Đức Số tiền 100.000.000 đồng để sửa nhà, nay chị yêu cầu anh Vũ Hữu P phải liên đới trả nợ chung cùng chị.

Xét thấy: Tại giấy biên nhận nợ xác lập ngày 21/6/2016 anh Vũ Hữu P và chị Trần Thanh H có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 80.000.000 đồng với lãi

xuất 0,6%/ tháng. Khi vay tiền có làm giấy vay nợ và anh chị cùng ký nhận, anh P thừa nhận khoản vay của bà T nhưng cho rằng chị H đã trả đủ cả tiền gốc và lãi nhưng anh P không đưa ra được căn cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình, thấy trình bày của chị H và bà T là là phù hợp, do vậy buộc anh P và chị H liên đới thanh toán cho bà T số tiền gốc là 80.000.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 21/6/2016 đến ngày xét xử là (87 tháng 05 ngày) x 0,6% là 41.840.000 đồng. Tổng cộng là 121.840.000 đồng, theo phần: Anh Vũ Hữu P trả 60.920.000 đồng; chị Trần Thanh H trả 60.920.000 đồng.

Đối với, khoản vay 130.000.000 vào ngày 12/01/2017, tại phiên tòa chị H thay đổi lời khai thời gian vay của bà T là năm 2015 không phải là năm 2017 như chứng cứ chị giao nộp tại Tòa, số tiền vay chị H chuyển cho bố chồng là ông Vũ Thịnh Đ 100.000.000 đồng để sửa nhà, còn lại chi tiêu cho gia đình, nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là hợp pháp, xét thời gian ký nhận nợ có khoảng cách chênh lệch và xa nhau so với thời gian đưa tiền cho ông T. Do đó, đối với lời khai nhận như trên của chị Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị T yêu cầu anh P cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ chung với chị H là chưa thuyết phục Hội đồng xét xử, vì vậy nhận định khoản nợ 130.000.000 đồng đối với bà T là nợ riêng của chị Trần Thanh H và chị H đủ năng lực nhận thức khi ký vào giấy biên nhận nợ vay tiền là đã phát sinh nghĩa vụ và trách nhiệm dân sự, chị H phải tự trả tiền nợ gốc 130.000.000 đồng và lãi phát sinh 01%/tháng tính từ thời điểm vay đến ngày xét xử là (79 tháng, 15 ngày) x 01%/tháng là 103.345.000 đồng.

Đối với khoản vay quỹ tiết kiệm cộng đồng tiểu khu 8 đến nay còn nợ số tiền 20.500.000 đồng. Tại giấy vay nợ chỉ thể hiện chị H ký nhận, anh P không được ký, không thừa nhận được vay khoản vay này, tuy nhiên thấy đây là khoản vay hộ gia đình, chị H phải chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con và các chi phí khác cho gia đình trong thời gian anh P không quan tâm chăm sóc đến gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, buộc anh P liên đới cùng chị H trả số tiền 20.500.000 đồng cho quỹ tiết kiệm cộng đồng Tiểu khu 8, theo phần: Anh Vũ Hữu P phải trả 10.250.000 đồng, chị Trần Thanh H phải trả 10.250.000 đồng.

Đối với khoản vay của anh Nguyễn Thái H số tiền 36.600.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án Tòa đã thông báo triệu tập hợp lệ nhưng anh H không có mặt, không thể hiện quan điểm trình bày của mình về khoản vay này, ngoài lời khai của chị Trần Thanh H chưa đủ chứng cứ xem xét, do đó cần tách và giải quyết một vụ án khác khi có yêu cầu.

[9]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57; 58 Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Hữu P và chị Trần Thanh H thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Trần Khánh L, sinh ngày 11/01/2007 và cháu Vũ Trần Khánh Đ, sinh ngày 17/01/2012 cho chị Trần Thanh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vũ Hữu P phải cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Trần Khánh Đ, sinh ngày 17/01/2012 cùng chị Trần Thanh H mỗi tháng là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), đến khi cháu Đan đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về nợ chung, nợ riêng:

Anh Vũ Hữu P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 60.920.000đ (Sáu mươi triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó 40.000.000đ tiền nợ gốc và tiền lãi là 20.920.000đ; trả cho Tổ vay vốn và tiết kiệm tiểu khu 8, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu số tiền 10.250.000đ (Mười triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Trần Thanh H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 294.225.000đ (Hai trăm chín mươi tư triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng), trong đó 170.000.000đ tiền nợ gốc và tiền lãi 124.225.000đ; trả cho Tổ vay vốn và tiết kiệm tiểu khu 8, thị trấn Mộc Châu số tiền 10.250.000đ (Mười triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án".

4. Về án phí:

4.1. Anh Vũ Hữu P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung và 3.558.000 đồng án phí vay nợ chung. Tổng cộng là: 4.158.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002993 ngày 19/6/2023 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, anh Vũ Hữu P còn phải nộp tiếp số tiền 3.858.000đ (Ba triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

4.2. Chị Trần Thanh H phải chịu 3.558.000 đồng án phí vay nợ chung và 11.667.000 đồng (Đã làm tròn số) án phí vay nợ riêng. Tổng cộng là: 15.225.000đ (Mười lăm triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyễn đơn anh Vũ Hữu P, bị đơn chị Trần Thanh H được quyền kháng cáo bản án, những người có quyền lợi được quyền kháng cáo phần bản án, quyết định liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án".

.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- UBND xã Suối Bàng, Vân Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đào Ngọc Hà